

# TÓM LƯỢC HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO

Trong sách Tóm Lược, Học thuyết Xã hội Công giáo được trình bày theo chủ đề thành 12 chương với phần nhập đề và kết luận.

Phần nhập đề trình bày một chủ nghĩa nhân bản toàn diện và liên đới như là định hướng cho mọi hoạt động xã hội của Giáo Hội nơi trần thế.

Các chủ đề trong 12 chương được chia làm 3 phần:

Phần I: gồm 4 chương đặt nền tảng cho Học thuyết xã hội Công giáo:

- 1 Kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa đối với nhân loại
- 2 Sứ mạng của Giáo Hội và học thuyết xã hội của Giáo Hội
- 3 Con người và các quyền của con người
- 4 Các nguyên tắc của học thuyết xã hội

Phần II: gồm 7 chương đề cập đến những lĩnh vực riêng biệt

- 5 Gia đình, tế bào sống động của xã hội
- 6 Lao động của con người
- 7 Đời sống kinh tế
- 8 Cộng đồng chính trị
- 9 Cộng đồng quốc tế
- 10 Bảo vệ môi trường
- 11 Cổ vũ hoà bình

Phần III: gồm chỉ có một chương nói đến

- 12 Học thuyết xã hội và hoạt động của Giáo Hội trong lĩnh vực xã hội

Và phần kết luận giới thiệu nền văn minh tình yêu như đích điểm cho mọi hoạt động này.

## **NHẬP ĐỀ: MỘT NỀN NHÂN BẢN TOÀN DIỆN VÀ LIÊN ĐỐI (số 1-19)**

a. Vào lúc khai nguyên Thiên Niên Kỷ Thứ Ba: Đức Giêsu Kitô chính là con đường, là sự thật và là sự sống: khi nhìn ngắm dung nhan Người, chúng ta càng thêm tin tưởng và hy vọng nơi Người, Vị Cứu Tinh duy nhất và cũng là mục tiêu duy nhất của lịch sử. Giáo Hội tiếp tục ngõ lời với mọi dân tộc và mọi quốc gia, vì ơn cứu độ chỉ được ban cho con người nhân danh Đức Kitô. Sự cứu độ ấy cũng đang thâm nhập vào thế giới này qua các thực tại của kinh tế và lao động, công nghệ và truyền thông, xã hội và chính trị, cộng đồng quốc tế và các mối quan hệ giữa các nền văn hoá và giữa các dân tộc. Giáo Hội cũng cố gắng học thuyết xã hội của mình cho những người bạn đồng hành với mình, là mọi người hôm nay. Học thuyết này có một mối thống nhất rất sâu xa, bắt nguồn từ Niềm Tin vào một ơn cứu độ toàn diện và trọn vẹn, từ niềm Hy Vọng vào sự sung mãn của công lý và từ Tình Yêu sẽ làm cho mọi người trở thành anh chị em với nhau trong Đức Kitô.

Ý nghĩa của tài liệu này: Người Kitô hữu biết rằng họ có thể tìm thấy trong học thuyết xã hội của Giáo Hội những nguyên tắc để suy tư, những tiêu chuẩn để phán đoán và những chỉ dẫn để hành động. Bởi thế, việc phổ biến cho mọi người biết học thuyết này đúng là một công tác mục vụ ưu tiên. Tập tài liệu này được coi là một công cụ giúp chúng ta phân định về mặt luân lý và mục vụ các biến cố phức tạp đang ghi dấu trên thời đại hôm nay; cũng có thể coi tập tài liệu này như một kim chỉ nam giúp cá nhân cũng như tập thể có những thái độ và lựa chọn để mọi người có thể nhìn về tương lai một cách tin tưởng và hy vọng nhiều

hơn; cũng có thể coi tập tài liệu này như một sự hỗ trợ người tín hữu muốn hiểu biết giáo huấn của Giáo Hội về luân lý xã hội. Tập tài liệu này được gửi tới: các giám mục, các linh mục, các nam nữ tu sĩ, tất cả những người có trách nhiệm đào tạo, các tín hữu giáo dân, các cộng đồng Kitô hữu, anh chị em thuộc các Giáo hội và các Cộng đồng Giáo hội khác, các tín đồ của các tôn giáo, cũng như tất cả những người thiện chí đang dần thân phục vụ công ích.

Để phục vụ sự thật toàn vẹn về con người: tập tài liệu này lấy “con người duy nhất và toàn diện với thể xác và linh hồn, với tình cảm và lương tâm, với lý trí và ý chí” làm then chốt cho toàn thể phần trình bày của mình. Giáo Hội muốn đóng góp phần sự thật của mình để trả lời cho vấn đề: con người chiếm vị trí nào trong thiên nhiên và trong xã hội con người. Các môn đệ của Đức Giêsu Kitô muốn cùng với mọi người dần thân tìm kiếm sự thật và ý nghĩa của cuộc đời – để sống cuộc đời ấy như những cá nhân và như thành phần của xã hội. Trong dấu hiệu của liên đới, tôn trọng và yêu thương: Giáo Hội mong muốn qua tập tài liệu về học thuyết xã hội này đề nghị với mọi người một nền nhân bản phù hợp với những tiêu chuẩn trong kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa trong lịch sử, một nền nhân bản toàn diện và liên đới có thể tạo ra một trật tự xã hội, kinh tế và chính trị mới, đặt nền tảng trên phẩm giá và tự do của mỗi con người; trật tự ấy phải được khai sinh trong hoà bình, công lý và liên đới.

## **CHƯƠNG 1: KẾ HOẠCH YÊU THƯƠNG CỦA THIÊN CHÚA ĐỐI VỚI NHÂN LOẠI (số 20-59)**

1. Hoạt động giải phóng của Thiên Chúa trong lịch sử dân Do Thái. Sự hiện diện vô điều kiện của Thiên Chúa: trong lịch sử nhân loại và qua mạc khải cho dân Israel, Thiên Chúa luôn luôn hiện diện và hành động

để giải phóng con người. Ngài đã sáng tạo nên vũ trụ và dựng nên con người để chia sẻ tình thương và ân phúc cho muôn loài một cách nhưng không. Ngài không bị ràng buộc bởi bất cứ một điều kiện nào. Nguyên tắc sáng tạo và hành động tặng không của Thiên Chúa: trở thành nguyên tắc hành động cho con người trong việc đối xử với nhau.

2. Đức Giêsu Kitô, sự hoàn thành kế hoạch yêu thương của Chúa Cha. Nơi Đức Giêsu Kitô, biến cố mang tính quyết định trong lịch sử quan hệ của Thiên Chúa với loài người được thực hiện: bởi vì Người nói lại mối tương quan giữa Thiên Chúa với loài người và muôn vật. Mac Khải tình yêu vô điều kiện của Thiên Chúa Ba Ngôi: bằng lời nói và việc làm, bằng cái chết và sự sống lại, Đức Giêsu đã mạc khải cho nhân loại thấy Thiên Chúa là Cha và tất cả chúng ta đều được mời gọi trở nên con cái Ngài trong Thánh Thần. Điều răn yêu thương nhau, tượng trưng cho luật sống của dân Chúa, phải là nguồn cảm hứng, nguồn thanh lọc và nâng cao mọi quan hệ nhân loại trong xã hội và trong chính trị.

3. Con người trong kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa. Tình yêu của Thiên Chúa Ba Ngôi là nguồn gốc và là mục tiêu của con người: Mạc khải Kitô giáo: mỗi người đều do Thiên Chúa tạo dựng, đều được Thiên Chúa yêu thương và cứu độ trong Đức Giêsu Kitô, và sẽ tự hoàn thành chính mình bằng cách thiết lập mạng lưới quan hệ yêu thương, công bằng và liên đới với những người khác. Sự cứu độ của Kitô giáo: dành cho hết mọi người và cho con người toàn diện: liên quan đến con người trong hết mọi chiều hướng: chiều hướng cá nhân lẫn xã hội, thể lý lẫn tâm linh, lịch sử lẫn siêu việt. Môn đệ của Đức Kitô là một thụ tạo mới: Sự biến đổi nội tâm con người, làm cho họ dần dần trở nên giống Đức Kitô, chính là điều kiện tiên quyết cần thiết để các mối quan hệ của họ với người khác được biến đổi thật sự. Ơn cứu độ siêu việt và các thực tại trần thế độc lập: Không có sự xung đột giữa Thiên Chúa và con

người, nhưng giữa hai bên có mối quan hệ yêu thương, như giữa Cha và con cái, hay giữa con cái với nhau, trong Đức Kitô Giêsu.

4. Kế hoạch của Thiên Chúa và sứ mạng của Giáo Hội. Giáo Hội là đầu chỉ và là người bảo vệ sự siêu việt của con người: Giáo Hội phục vụ Nước Chúa trên hết mọi sự bằng cách loan báo và truyền đạt Tin Mừng cứu độ, cũng như bằng cách thiết lập những cộng đồng Kitô hữu mới. Giáo Hội, Nước Chúa và sự đổi mới các quan hệ xã hội: các cộng đồng Giáo Hội đã tình nguyện trở thành những địa điểm hiệp thông, làm chứng và thi hành sứ mạng, cũng như làm thành chất xúc tác để cứu chuộc và biến đổi các mối quan hệ xã hội. Trời mới và đất mới: Những điều tốt đẹp sau khi được thanh tẩy khỏi mọi vết nhơ, được chiếu sáng và biến đổi, tất cả sẽ thuộc về vương quốc chân lý và sự sống, thánh thiện và ân sủng, công lý, tình yêu và hoà bình. Đức Maria và lời “xin vâng” trong kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa: Khi ngược nhìn tâm hồn Đức Maria, các môn đệ Đức Kitô được mời gọi hãy nhớ lại rằng “không thể tách sự thật về Thiên Chúa cứu độ, Thiên Chúa nguồn mạch mọi ơn huệ với Thiên Chúa luôn tỏ lòng ưu ái người nghèo nàn và khiêm tốn.

## **CHƯƠNG 2: SỨ MẠNG VÀ HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI (số 60-104)**

1. Công cuộc Phúc Âm hoá và học thuyết xã hội. Giáo Hội, nơi Thiên Chúa ở với con người: Khi chia sẻ những vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của nhân loại, Giáo Hội đứng về phía mỗi con người ở mọi nơi và mọi thời. Giáo Hội chính là bí tích của tình yêu Thiên Chúa. Lấy Tin Mừng thâm nhập và làm phong phú xã hội: Giáo Hội dần thân làm sao cho xã hội được thấm nhuần Tin Mừng và được phong phú lên nhờ Tin Mừng. Do đó, Giáo Hội không thể thờ ơ với những gì con người quyết định, thực hiện hay trải nghiệm trong xã hội. Học thuyết xã hội,

Phúc Âm hoá và việc thăng tiến con người: được khai sinh là bởi những cuộc gặp gỡ luôn mới mẻ của thông điệp Tin Mừng với đời sống xã hội. Học thuyết xã hội này là một phần đầy đủ trong thừa tác vụ Phúc Âm hoá của Giáo Hội nhằm giúp con người thăng tiến trên con đường cứu độ. Các quyền hạn và nghĩa vụ của Giáo Hội: Giáo Hội thi hành quyền hạn và nghĩa vụ của mình khi triển khai học thuyết xã hội và cố gắng làm cho học thuyết ấy tác động đến xã hội và các cơ chế xã hội.

2. Bản chất của Học thuyết Xã hội Công giáo. Một sự hiểu biết được soi sáng bởi đức tin: Học thuyết này hình thành theo dòng thời gian, mang bản chất của thần học luân lý, đặt nền tảng trên Thánh Kinh và Truyền thống Giáo Hội. Học thuyết này đối thoại thân tình với các khoa học khác như triết học, khoa học xã hội và nhân văn... Là cách biểu hiện tác vụ giảng dạy của Giáo Hội: để giúp bảo vệ và thăng tiến con người xây dựng hình một xã hội sống hài hoà trong công bằng và yêu thương. Dành cho một xã hội đã được hoà giải trong công lý và tình yêu: chỉ ra cho chúng ta thấy con đường để một xã hội đã được hoà giải đi theo và sống hài hoà nhờ công bằng và yêu thương. Một thông điệp Giáo Hội gửi cho con cái của mình và cho toàn thể nhân loại: là một giáo huấn công khai gửi cho mọi người thiện chí, và đã được tiếp nhận không phải chỉ bởi thành viên các giáo hội và cộng đồng giáo hội khác, mà còn bởi các tín đồ của các truyền thống tôn giáo khác và cả bởi những người không thuộc về tập thể tôn giáo nào. Vừa liên tục vừa đổi mới: liên tục khi nó luôn tham khảo các giá trị phổ quát rút ra từ mạc khải và bản tính con người, và có khả năng đổi mới dựa trên những thay đổi trong những hoàn cảnh lịch sử.

3. Học thuyết xã hội của Hội Thánh trong thời đại chúng ta: các ghi chú lịch sử. Khởi đầu một lộ trình mới: cần có một sự phân định mới về tình hình, để có thể tìm ra những giải pháp thích hợp cho các vấn đề mới. Từ Thông điệp Rerum Novarum đến hôm nay: khởi đầu từ Thông điệp

Tân sự (Rerum Novarum) của Đức Giáo hoàng Lêô XIII, cho đến Thông điệp Bác ái trong chân lý của Đức Giáo hoàng Benedicto 16. Dưới ánh sáng và sự thúc đẩy của Tin Mừng: đã được triển khai thành một ‘tổng hợp’ giáo lý cập nhật.

### **CHƯƠNG 3: CON NGƯỜI VÀ NHÂN QUYỀN (số 105-159)**

1. Học thuyết xã hội và nguyên tắc nhân vị. Giáo Hội nhìn thấy nơi mỗi người hình ảnh sống động của chính Thiên Chúa. Hình ảnh này được triển khai trọn vẹn và sâu sắc nơi mầu nhiệm Đức Kitô, trong Người Giáo Hội mời gọi mọi người hãy nhìn nhận mỗi người – dù gần hay xa, quen hay lạ, nhất là những người nghèo và đau khổ – là anh chị em của mình. Vì thế, con người là trọng tâm và linh hồn của tư duy xã hội Công giáo.

2. Con người là “hình ảnh Thiên Chúa”: được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa để hướng về Thiên Chúa và đáp lại tình yêu của Ngài. Con người là một hữu thể xã hội, vì có nam có nữ, cũng như có mối quan hệ với muôn loài thụ tạo. Tuy nhiên, tội lỗi đã làm hư hỏng các mối quan hệ của con người với Thiên Chúa, với tha nhân, với vũ trụ và với chính bản thân con người. Tính phổ quát của tội và tính phổ quát của ơn cứu độ: người Kitô hữu nhìn thấy vực sâu của tội, nhưng luôn nhìn nó trong ánh sáng hy vọng do công cuộc cứu chuộc của Đức Kitô mang lại.

3. Những khía cạnh đa dạng của con người. Con người được Thiên Chúa tạo dựng thành một thể thống nhất của xác và hồn, như một cá nhân ưu việt và là chủ thể của tất cả hành vi luân lý. Vì là một hữu thể vật chất, con người có liên quan với thế giới này qua thân xác của mình, đồng thời là một hữu thể thiêng liêng mở ra với cõi siêu việt, với Thiên Chúa. Vì thế, con người là một hữu thể độc đáo, không thể sao chép, với những phẩm giá siêu việt. Không thể lấy con người làm phương tiện

để thực hiện các dự án kinh tế, xã hội hay chính trị. Con người được tự do vì đó là ơn cao quý Thiên Chúa ban. Tự do có giá trị và giới hạn của nó, vì con người được mời gọi để biết chấp nhận luật luân lý do Thiên Chúa ban ra. Tự do liên kết với sự thật và luật tự nhiên, và không đi ngược với sự lệ thuộc của con người vào Thiên Chúa. Mọi người đều có cùng phẩm giá bình đẳng đối với Thiên Chúa cũng như đối với nhau. Chỉ khi nào nhìn nhận phẩm giá con người, cá nhân mới có thể phát triển riêng cho mình và chung với người khác. Bản tính xã hội của con người là một đặc điểm phân biệt con người với các thụ tạo khác trên trần gian. Tuy nhiên, nó không tự động đưa con người tới chỗ hiệp thông với nhau. Nó cần phải được đào tạo để con người vượt qua tự ái và ích kỷ để bộc lộ bản tính này bằng nhiều cách.

4. Nhân quyền. Nguồn gốc của các quyền con người nằm ngay trong chính phẩm giá của mỗi một con người, được Thiên Chúa dựng nên và được Đức Kitô cứu chuộc. Đó là một tổng thể gồm nhiều quyền khác nhau phải được tôn trọng toàn bộ chứ không phải chỉ nhìn nhận một phần. Tuy nhiên, các quyền lợi luôn đi kèm những nghĩa vụ và trách nhiệm tương ứng. Quyền lợi của các dân tộc và các quốc gia đặt nền tảng trên nhân quyền của mỗi cá nhân. Quyền này không chỉ diễn tả trên những văn bản mà còn phải được thi hành thực sự trong cuộc sống.

## **CHƯƠNG 4: CÁC NGUYÊN TẮC CỦA HỌC THUYẾT XH CÔNG GIÁO (số 160-208)**

1. Ý nghĩa và sự thống nhất. Nguyên tắc phẩm giá con người, công ích, bổ trợ và liên đới là những nguyên tắc trường tồn của Học thuyết Xã hội Công giáo, mang tính tổng quát và căn bản vì chúng liên quan tới xã hội trong toàn bộ thực tại của nó.



2. Nguyên tắc công ích: mọi khía cạnh trong đời sống xã hội đều phải liên hệ đến công ích, nếu muốn đạt được ý nghĩa trọn vẹn nhất. Con người không thể tìm được sự phát triển mỹ mãn nơi chính bản thân mình, nếu bỏ qua sự kiện là con người hiện hữu “với” người khác và “vì” người khác. . Trách nhiệm của mọi người đối với công ích. Trách nhiệm đạt tới công ích không những thuộc về các cá nhân, mà còn là trách nhiệm của Nhà Nước, vì công ích là lý do khiến quyền hành chính trị tồn tại.

3. Nguyên tắc Mục tiêu phổ quát của tài sản. Nguồn gốc và ý nghĩa: Thiên Chúa đã tiền định toàn thể trái đất cho mọi người và mọi dân tộc. Mỗi người phải đạt được mức an sinh cần thiết để có thể phát triển trọn vẹn. Mục tiêu phổ quát của tài sản và quyền tư hữu như một phương tiện để phục vụ sự phát triển toàn diện con người. Các cá nhân phải sử dụng của cải thế nào để chúng có lợi không những cho họ và gia đình họ, mà còn có lợi cho công ích. Nguyên tắc này buộc chúng ta phải coi người nghèo, người bị gạt ra bên lề và người bị ngăn cản không phát triển được do các điều kiện sống của họ, là những tiêu điểm cần quan tâm đặc biệt.

4. Nguyên tắc hỗ trợ: Không thể phát huy phẩm giá con người mà không quan tâm tới gia đình, các tập thể, các hiệp hội, các thực thể địa phương: các tập thể xã hội trung gian. Thật là bất công và tai hại nghiêm trọng khi giao cho một tổ chức cao hơn và lớn hơn những gì mà các tổ chức nhỏ hơn và cấp dưới có thể làm được. Dựa trên nguyên tắc này, mọi xã hội thuộc trật tự cao hơn phải có thái độ trân trọng giúp đỡ, tức là hỗ trợ, đẩy mạnh, phát triển các xã hội thuộc trật tự thấp hơn. Những chỉ dẫn cụ thể: chống lại một số hình thức trung ương tập quyền, tôn trọng và thăng tiến con người và gia đình, trân trọng các hiệp hội và các tổ

chức trung gian, cổ vũ các tổ chức tư nhân phục vụ công ích, giúp công dân tích cực “tham gia” vào thực tế chính trị và xã hội của đất nước.

5. Nguyên tắc Tham gia: Tham gia là một nghĩa vụ mà mọi người phải chu toàn một cách ý thức, để góp phần vào đời sống văn hoá, kinh tế, chính trị, xã hội của cộng đồng mà mình là thành viên. Tham gia và dân chủ: một chính phủ dân chủ, được xác định trước tiên là một chính phủ do nhân dân uỷ thác quyền hành và nhiệm vụ, thi hành các điều ấy nhân danh nhân dân, quan tâm đến nhân dân và thay mặt nhân dân. Bởi đó, rõ ràng là chế độ dân chủ nào cũng phải là chế độ có sự tham gia.

6. Nguyên tắc liên đới: Sự liên đới làm nổi bật một cách đặc biệt bản tính xã hội nội tại của con người, sự bình đẳng của mọi người về phẩm giá và quyền lợi, cũng như con đường chung cho các cá nhân và các dân tộc tiến tới sự thống nhất. Liên đới vừa là một nguyên tắc xã hội (nhằm xác định trật tự của các định chế) và cũng là một nhân đức luân lý (quyết tâm vừa chắc chắn vừa kiên định muốn dần thân lo cho công ích). Liên đới và sự phát triển chung của nhân loại mời gọi mọi người đóng góp cho xã hội mình đang sống như Đức Giêsu đã liên đới trọn vẹn tới mức chết trên thập giá.

7. Các giá trị căn bản của đời sống xã hội: Mọi giá trị xã hội đều nằm sẵn trong phẩm giá con người, và chúng tạo điều kiện cho con người được phát triển thực sự. Các giá trị chủ yếu ấy là sự thật, tự do, công bằng và yêu thương. Khi việc sống chung của con người trong cộng đồng được xây dựng trên sự thật, đời sống chung ấy sẽ được trật tự và có kết quả, xứng với phẩm giá của những con người. Tự do chỉ thực sự có ở những nơi nào mọi người được liên kết với nhau bằng các mối quan hệ hỗ tương, xây dựng trên sự thật và công lý. Công lý chính là có ước muốn kiên định và vững chắc trả những gì mình mắc nợ Chúa và tha nhân. Học thuyết xã hội của Giáo Hội đặt giá trị của công lý song

song với giá trị liên đới, coi đó là con đường đặc biệt dẫn tới hoà bình. Quan hệ giữa các nguyên tắc và các giá trị là một quan hệ hỗ tương, ở chỗ các giá trị xã hội chính là một cách diễn tả sự quý trọng đối với các khía cạnh đặc biệt của một điều tốt luân lý mà các nguyên tắc ấy đang cố vũ.

8. Con đường yêu thương: Trong mọi con đường sống của nhân loại, có một con đường “trôi vượt hẳn”, đó chính là con đường mang đậm nét yêu thương. Chính từ nguồn cội yêu thương sâu xa ấy mà các giá trị như sự thật, tự do và công lý đã khai sinh và phát triển. Trong viễn tượng đó, tình yêu mang dáng dấp đặc biệt của lòng bác ái chính trị và xã hội.

## **CHƯƠNG 5: GIA ĐÌNH, TẾ BÀO SỐNG ĐỘNG CỦA XÃ HỘI (số 209 - 254)**

1. Trong kế hoạch của Đấng Tạo Hoá, gia đình là xã hội tự nhiên đầu tiên của con người, là “chiếc nôi của sự sống và tình yêu. Gia đình quan trọng đối với con người vì là môi trường đầu tiên mà con người được sinh ra và lớn lên, trong đó con người tiếp nhận những ý tưởng đầu tiên mang tính giáo dục về sự thật và sự tốt lành, cũng như học được thế nào là yêu và được yêu, và từ đó biết được làm người thực ra là gì. Gia đình quan trọng đối với xã hội, vì trong đó người ta nghiệm ra bản tính xã hội của mình. Vì thế, gia đình không hiện hữu vì xã hội hay quốc gia, nhưng xã hội hay quốc gia hiện hữu vì gia đình.

2. Hôn nhân là nền tảng của gia đình vì gia đình được xây dựng dựa trên sự lựa chọn tự do của hai vợ chồng muốn kết hợp với nhau trong hôn nhân. Những nét đặc thù của hôn nhân là: toàn vẹn, hợp nhất, bất khả phân ly và trung tín, sinh con cái. Bí tích Hôn Nhân: Khi được kết hợp mật thiết với Giáo Hội nhờ bí tích Hôn Nhân, gia đình Kitô giáo

được mời gọi hãy “trở nên dấu chỉ hợp nhất cho thế giới, và bằng cách đó, thi hành vai trò ngôn sứ của mình qua việc làm chứng cho Nước Trời và bình an của Đức Kitô.

3. Chủ thể tính xã hội của gia đình: Chính nhờ tình yêu mà mỗi người, nam hay nữ, được nhìn nhận, được chấp nhận và được tôn trọng theo đúng phẩm giá của mình. Khi hằng ngày xây dựng một mạng lưới các mối quan hệ liên vị, cả bên trong lẫn bên ngoài, gia đình sẽ trở thành “trường học đầu tiên và không thể thay thế về đời sống xã hội. Tình yêu cũng được biểu lộ qua việc quan tâm rộng rãi tới những người cao tuổi sống trong các gia đình: họ chính là một trường đời quan trọng, có thể truyền đạt nhiều giá trị và truyền thống, có thể tạo điều kiện cho các thế hệ trẻ phát triển.

Con người được tạo dựng để yêu thương và không thể sống mà không có tình yêu, vì vậy cần phải công bố và minh chứng rằng sự thật của tình yêu vợ chồng và tính dục chỉ hiện hữu ở nơi nào có sự dâng hiến trọn vẹn và đầy đủ con người với hai đặc điểm là duy nhất và trung tín. Những vấn đề của hôn nhân: ly dị, tái hôn, hình thức sống chung ngoài hôn nhân, đồng tính. Gia đình là thánh điện của sự sống: Sinh sản biểu lộ chủ thể tính xã hội của gia đình và khởi động một sức mạnh của tình yêu và liên đới giữa các thế hệ. Đứa trẻ nào cũng trở thành quà tặng cho anh chị em, cha mẹ và toàn thể gia đình của nó. Nhiệm vụ giáo dục: cha mẹ là những nhà giáo dục đầu tiên nhưng không phải là duy nhất đối với con cái, bằng cách cộng tác chặt chẽ và sáng suốt với các cơ quan dân sự và Giáo Hội. Khi giáo dục phải tôn trọng phẩm giá và quyền lợi của con cái.

4. Gia đình là chủ thể tích cực tham gia vào đời sống xã hội dưới nhiều hình thức khác nhau, vì thế cần phải thúc đẩy và củng cố các hiệp hội gia đình. Gia đình tham gia vào đời sống kinh tế bằng lao động. Gia

đình là một trong những điểm quy chiếu quan trọng nhất để làm nên trật tự xã hội và đạo đức cho lao động con người. Chú ý đến việc lao động của phụ nữ trong gia đình: Lao động nội trợ là một kiểu lao động mang tính hết sức cá nhân và có sức nhân bản hoá, nó cần phải được xã hội công nhận và đánh giá cao.

5. Xã hội phục vụ gia đình: phải tôn trọng và hỗ trợ gia đình với những chính sách hữu hiệu và đúng đắn, không được bê trễ nhiệm vụ căn bản là tôn trọng và hỗ trợ các gia đình, phải tránh và chống lại tất cả những gì có thể làm biến chất hay phương hại tới gia đình.

## **CHƯƠNG 6: LAO ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI (số 255-322)**

1. Những khía cạnh Thánh Kinh. Bôn phận canh tác và chăm sóc đất đai: Đấng Tạo Hoá đã tạo dựng con người theo hình ảnh Ngài và kêu mời con người lao động trên đất đai. Canh tác đất đai là không bỏ mặc đất đai; thống trị mặt đất có nghĩa là chăm sóc nó, như một vị vua khôn ngoan chăm sóc thần dân của mình hay như một mục tử chăn dắt đàn chiên của mình. Đức Giêsu nêu gương lao động. Người đã dành phần lớn năm tháng sống trên đời này để lao động tay chân trên bàn thợ mộc. Người lên án thái độ của người đầy tớ vô dụng đem chôn tiền bạc và ca ngợi người đầy tớ trung thành và khôn ngoan. Đức Giêsu còn dạy con người không được nô lệ cho lao động, nhưng trên hết con người phải quan tâm tới linh hồn mình. Lao động diễn tả một chiều hướng căn bản của cuộc sống con người, như một sự tham gia không những vào hành vi sáng tạo, mà còn vào hành vi cứu chuộc nữa.

Bôn phận lao động: qua lao động, con người cùng với Thiên Chúa cai quản thế giới; cùng với Thiên Chúa làm chủ thế giới và thực hiện những điều tốt đẹp cho mình và cho người khác.

2. Giá trị ngôn sứ của Thông điệp Tân Sự: chân thành bên vực phẩm giá bất khả nhượng của người lao động, đi kèm với một quyền hết sức quan trọng là quyền tư hữu, với nguyên tắc cộng tác giữa các giai cấp lao động, các quyền của người nghèo nàn và yếu kém, các bổn phận của thợ và chủ, cùng với quyền thành lập hiệp hội.

3. Phẩm giá của lao động: những chiều kích khách quan và chủ quan của lao động. Lao động là một sự biểu hiện căn bản của một con người, nó chính là một “hành vi của con người”. Quan hệ giữa lao động và tư bản: Lao động tự nó đã vượt trội hơn tư bản. Trong quá trình sản xuất, lao động luôn luôn là nguyên nhân tác thành số một, còn tư bản – tức là toàn bộ các phương tiện sản xuất – vẫn chỉ là dụng cụ hay nguyên nhân dụng cụ. Quyền tham gia quản lý lao động: người lao động tham gia vào việc làm chủ, quản lý và lợi nhuận. Quan hệ giữa lao động và tư hữu: không thể được sở hữu để chống lại lao động, cũng không thể được sở hữu chỉ để sở hữu, nhưng để làm giàu cho xã hội. Quyền nghỉ ngơi: người lao động phải được nghỉ ngơi đầy đủ và được có thời gian rảnh rỗi để chăm lo cho gia đình, cho đời sống văn hoá, xã hội và tôn giáo của mình.

4. Quyền lao động: Lao động là một quyền căn bản và hữu ích, vì cần thiết để hình thành và bảo vệ gia đình, cần thiết để thực hiện quyền tư hữu, cần thiết để đóng góp vào ích chung của gia đình nhân loại.

Vai trò của Nhà Nước và xã hội dân sự: chính sách khuyến khích tạo công ăn việc làm, đẩy mạnh việc hợp tác hiệu quả giữa các quốc gia, tạo ra một hệ thống các chuẩn mực pháp lý để bảo vệ lao động của con người.

Gia đình và quyền lao động: các nhà kinh doanh, các tổ chức nghề nghiệp, các liên đoàn lao động và Nhà Nước nên đẩy mạnh các chính

sách hỗ trợ hạt nhân gia đình nhiều hơn. Phụ nữ và quyền lao động: cần cứu xét đến phẩm giá và thiên chức của phụ nữ. Lao động trẻ em: cần quan tâm thế nào để các trẻ em không bị đưa vào các xưởng thợ và nhà máy, cho tới khi cơ thể và tinh thần của chúng đã phát triển đủ. Vấn đề di dân và lao động: các tổ chức tại các nước chủ nhà phải ngăn chặn cơn cám dỗ muốn khai thác các lao động nước ngoài. Thế giới nông nghiệp và quyền lao động: lao động nông nghiệp đáng được đặc biệt quan tâm, trong bối cảnh toàn cầu hoá và trong việc bảo vệ môi trường.

5. Các quyền lợi của người lao động: đáng buồn là người lao động thường bị trả lương thấp, không được bảo vệ hay không có những đại diện thích đáng cho việc nhìn nhận phẩm giá và quyền lợi của người lao động. Quyền được hưởng lương công bằng và được phân chia lợi tức: lương phải thế nào để con người có phương tiện chăm lo đời sống vật chất, xã hội, văn hoá và tâm linh của mình và của những người tùy thuộc mình. Quyền đình công: phải luôn luôn là một biện pháp hoà bình nhằm đưa ra những yêu sách và đấu tranh cho quyền lợi của người lao động.

6. Sự liên đới giữa những người lao động: tầm quan trọng của các nghiệp đoàn và những hình thức liên đới mới mẻ khác. Các nghiệp đoàn nhằm để bảo vệ những quyền lợi đúng đắn của những người lao động đối chọi với các nhà quản lý và các nhà sở hữu các phương tiện sản xuất. Theo học thuyết xã hội của Giáo Hội, mọi quan hệ trong thế giới lao động phải mang đặc tính cộng tác: như một nỗ lực để giành lấy điều tốt chính đáng, chứ không nhằm chống lại người khác.

7. “Những hoàn cảnh mới” của thế giới lao động hiện nay. Hiện tượng toàn cầu hoá: tốc độ kinh khủng của việc truyền thông và việc di chuyển khá dễ dàng hàng hoá và con người làm thay đổi việc tổ chức lao động. cần phải toàn cầu hoá các biện pháp bảo vệ, các quyền lợi căn bản và

sự công bằng tối thiểu. Biến chuyển: lao động nông nghiệp, đến lao động công nghiệp sang nền kinh tế chủ yếu dựa trên các dịch vụ và cải tiến công nghệ. Những vấn đề đáng quan tâm: lao động không chắc chắn, tình trạng liên tục thất nghiệp, hệ thống an sinh xã hội, việc cạnh tranh, cải tiến công nghệ, bất ổn về tài chính... cần phải được giải quyết cách hoà hợp với việc bênh vực người lao động và các quyền lợi của người lao động. Học thuyết xã hội và “những hoàn cảnh mới” đòi hỏi phải khôi phục lại trật tự đúng đắn của các giá trị và đặt phẩm giá người lao động lên trên hết.

## **CHƯƠNG 7: ĐỜI SỐNG KINH TẾ (số 323-376)**

1. Các khía cạnh Thánh Kinh. Hai thái độ đối với của cải kinh tế và sự giàu: của cải vật chất là điều cần thiết và việc lạm dụng chúng mới bị lên án. Với tinh thần tôn giáo, người giàu là người đặt tin tưởng vào của cải mình hơn là vào Chúa, còn sự nghèo nàn trở thành một giá trị luân lý khi nó là một thái độ khiêm tốn tín nhiệm vào Chúa. Nước Thiên Chúa do Đức Kitô thiết lập kiện toàn sự tốt lành nguyên thủy của trật tự sáng tạo và sự tốt lành ban đầu của các hoạt động con người. Của cải có là để được chia sẻ vì thế tích trữ không chính đáng đều bị coi là thiếu đạo đức, phải được sử dụng và lưu thông thế nào cho cả người túng thiếu cũng được hưởng.

2. Luân lý và kinh tế: Dù khoa kinh tế và khoa luân lý sử dụng những nguyên tắc riêng của mỗi bên, hoạt động kinh tế và cách ứng xử có luân lý gắn bó mật thiết với nhau. Trong lĩnh vực kinh tế và xã hội, người ta phải tôn trọng và phát huy phẩm giá và ơn gọi đầy đủ của con người, cũng như sự an sinh của toàn xã hội. Vì con người là nguồn cội, là trung tâm và là mục tiêu của toàn bộ đời sống kinh tế và xã hội. Không thể chấp nhận đạt được mức tăng trưởng kinh tế bằng cách hy sinh nhiều con người, hy sinh cả một dân tộc hay một nhóm xã hội nào đó, bắt họ



phải lâm cảnh túng thiếu. Nếu hoạt động kinh tế phải có tính luân lý, thì hoạt động ấy phải hướng tới mọi người và mọi dân tộc. Mọi mặt hàng vật chất có sẵn tới mức thái quá nhằm phục vụ cho ích lợi của một số tập thể trong xã hội sẽ làm cho dân chúng dễ dàng trở thành nô lệ cho sự ‘chiếm hữu’ và sự thoả mãn tức thời. Đây chính là cái được gọi là văn minh ‘tiêu thụ’ hay ‘chủ nghĩa tiêu thụ’.

3. Sáng kiến của tư nhân và sáng kiến kinh doanh: là một giá trị căn bản và là một quyền không thể chuyển nhượng. Doanh nghiệp và các mục tiêu của doanh nghiệp: có khả năng phục vụ công ích của xã hội thông qua việc sản xuất hàng hoá hữu ích và cung cấp các dịch vụ, mà không bỏ quên những giá trị đích thực giúp cá nhân và xã hội được phát triển cách cụ thể. Vai trò của các chủ doanh nghiệp và việc quản lý: có tầm quan trọng chủ yếu, đòi hỏi họ phải luôn luôn nghĩ tới những động cơ luân lý cần thiết để hướng dẫn những lựa chọn. Học thuyết xã hội của Giáo Hội lưu ý tới một nhu cầu: đó là cố gắng tổ chức lao động thể nào để thăng tiến gia đình, nhất là giúp các bà mẹ trong việc chu toàn nghĩa vụ riêng của mình.

4. Các định chế kinh tế phục vụ con người. Thị trường tự do: là công cụ hữu hiệu nhất để con người sử dụng các nguồn lực và đáp ứng các nhu cầu cách hữu hiệu, tuy nhiên Học thuyết xã hội của Giáo Hội chỉ cho thấy thị trường cần phải bám chặt vào các mục tiêu đạo đức. Nhà Nước: sự can thiệp của Nhà Nước trong môi trường kinh tế phải vừa không được xâm chiếm tất cả vừa không được né tránh hoàn toàn, mà phải cân xứng với các nhu cầu thật của xã hội. Nhiệm vụ của Nhà Nước là xác định một khung pháp lý thích hợp để điều hành các sự việc kinh tế. Thị trường và Nhà Nước cần phải làm việc ăn ý với nhau và hỗ trợ nhau. Các đoàn thể trung gian: Xã hội dân sự được tổ chức thành những tập thể trung gian sẽ có khả năng đạt được ích chung bằng cách tham gia cộng tác và bổ túc một cách hữu hiệu mà vẫn tôn trọng Nhà Nước và

thị trường. Tiền tiết kiệm: quyết định đầu tư tiền ấy vào chỗ nào và trong địa hạt sản xuất nào luôn luôn là một sự lựa chọn mang tính luân lý và văn hoá. Lối sống chống lại chủ nghĩa tiêu thụ thái quá: lấy việc tìm kiếm chân, thiện, mỹ và hiệp thông với người khác vì sự phát triển chung, làm những nhân tố cho quyết định lựa chọn mua sắm, tiết kiệm hay đầu tư.

5. “Những hoàn cảnh mới” trong lĩnh vực kinh tế. Toàn cầu hoá: phát triển chóng mặt trong lĩnh vực viễn thông, hệ thống quan hệ kinh tế và tài chính đã có thể vừa giúp hạ phí tổn truyền thông, vừa có được những công nghệ truyền thông mới mẻ, đồng thời làm cho sự trao đổi thương mại và các giao dịch tài chính được lan rộng khắp thế giới. Hậu quả tai hại là sự bất bình đẳng ngày càng tăng cao giữa các nước tiên tiến và các nước đang phát triển, cũng như nhiều người giàu càng giàu thêm, và nhiều người nghèo càng ngày càng nghèo đi. Giáo huấn xã hội của Giáo Hội kêu gọi chống chính sách bảo hộ, kỳ thị các sản phẩm đến từ các nước nghèo hơn, nói lên tầm quan trọng của các tiêu chuẩn đạo đức làm nền tảng cho các quan hệ kinh tế thế giới. Giáo Hội kêu gọi thiết lập một thẩm quyền quốc tế có năng lực phục vụ tự do và hoà bình, phục vụ các quyền căn bản của con người (có lương thực và nước sạch, có nhà ở và được an toàn, quyền tự quyết và độc lập). Hệ thống tài chính quốc tế: tìm cách đáp ứng các nhu cầu tài chính của khu vực sản xuất. Những đầu tư quy mô lớn sẽ không thể có được nếu không có vai trò trung gian căn bản của các thị trường tài chính. Các thị trường tài chính đã biết đánh giá đúng đắn các vai trò tích cực của tiền tiết kiệm trong sự phát triển toàn diện của hệ thống kinh tế và xã hội. Nguy cơ: các quốc gia nghèo không được hưởng các lợi ích đã được tạo ra, mà còn phải chịu các hậu quả tiêu cực do sự bất ổn tài chính gây ra. Giáo huấn xã hội của Giáo Hội kêu gọi tìm ra những giải pháp mang tính định chế, có thể hỗ trợ cách hữu hiệu sự ổn định của hệ thống.

Vai trò của cộng đồng quốc tế trong kỷ nguyên kinh tế toàn cầu: Nhà Nước của mỗi quốc gia mất dần hiệu năng trong việc điều khiển sự năng động của các hệ thống tài chính và kinh tế của quốc gia, họ ngày càng bị điều kiện hoá nhiều hơn bởi những viễn tượng của các thị trường tư bản thế giới. Cần hướng hệ thống kinh tế - tài chính trên toàn thế giới tới mục tiêu là đạt được công ích cho toàn thể gia đình nhân loại.

Một sự phát triển toàn diện trong tình liên đới: Một trong những nhiệm vụ căn bản của những người tích cực tham gia vào các vấn đề kinh tế thế giới là làm sao thực hiện cho nhân loại một sự phát triển toàn diện trong tình liên đới, tức là “phát huy điều tốt của mỗi người và của toàn thể con người”. Các nước giàu đã tỏ ra có khả năng tạo ra sự an vui vật chất, nhưng lại thường phải hy sinh con người và các giai cấp xã hội yếu kém hơn. Nhu cầu cần phải được đào tạo nhiều hơn nữa về giáo dục và văn hoá: Nếu đời sống kinh tế được tuyệt đối hoá, nếu việc sản xuất và tiêu thụ hàng hoá trở thành trung tâm của đời sống xã hội và là giá trị duy nhất của xã hội, thì đó là vì toàn bộ hệ thống văn hoá-xã hội đã bị suy yếu khi bỏ quên chiều hướng đạo đức và tôn giáo. Vì thế, Huân Quyền cảm thấy cần phải đề ra rất nhiều chương trình đào tạo về giáo dục và văn hoá, giúp người ta luôn luôn để cho mình được hướng dẫn bởi một hình ảnh toàn diện về con người.

## **CHƯƠNG 8: CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ (số 377-427)**

1. Các khía cạnh Thánh Kinh: Thiên Chúa vừa là chủ thể lịch sử, vừa là chủ thể vũ trụ. Dân Do Thái Israel không có vua, vì họ chỉ nhìn nhận sự cai trị của Giavê. Nhà vua, là người được Giavê lựa chọn và thánh hiến, được coi như con Thiên Chúa và có nhiệm vụ làm cho người ta thấy được sự cai trị của Thiên Chúa và kế hoạch cứu độ của Ngài. Đức Giêsu là hiện thân cuối cùng những gì Cựu Ước đã tiên báo về dung mạo một vị vua. Người khẳng định: chỉ có Thiên Chúa mới có quyền đòi hỏi mọi

sự từ phía con người, nhưng đồng thời quyền bính trần gian cũng được quyền đòi những gì thuộc về mình. Các cộng đồng Kitô hữu sơ khai chủ trương tòng phục quyền bính hợp pháp là hưởng ứng trật tự do Chúa thiết lập. Đó chính là sự vâng phục tự nguyện và có trách nhiệm đối với chính quyền, nhờ đó mà làm cho mọi người tôn trọng công lý, bảo đảm ích lợi chung. Thông điệp của Thánh Kinh đã tạo cảm hứng cho các Kitô hữu suy nghĩ về quyền hành chính trị, đó là phải nhớ rằng quyền hành xuất phát từ Thiên Chúa và là một phần nguyên vẹn trong toàn bộ trật tự Ngài đã dựng nên.

2. Nền tảng và mục tiêu của cộng đồng chính trị: là con người. Lương tâm con người “tỏ lộ cho con người biết và thúc đẩy con người nghe theo” trật tự mà Thiên Chúa đã khắc ghi trong hết mọi thụ tạo: một trật tự luân lý và tôn giáo. Các cộng đồng chính trị cần biết tham khảo nhân dân. Các dân tộc thiểu số cũng có quyền lợi và nghĩa vụ chính xác: quyền tồn tại, quyền duy trì nền văn hoá của mình, kể cả ngôn ngữ, và những niềm tin tôn giáo, bao gồm cả hình thức thờ phượng; họ cũng có bổn phận phục vụ công ích của quốc gia nơi mình đang sống. Bên vực và phát huy các quyền con người: Cộng đồng chính trị theo đuổi công ích, khi nó tìm cách tạo ra một môi trường nhân bản, cho phép các công dân thực thi các quyền con người của mình và thi hành trọn vẹn các nghĩa vụ tương ứng của mình. Đời sống xã hội dựa trên tình hữu nghị giữa các công dân: thái độ vô vị lợi, thái độ siêu thoát đối với của cải vật chất, cũng như sự cho đi cách tự nguyện và đón nhận các nhu cầu của người khác cách chân thành. Đời sống xã hội càng trở nên nhân bản hơn khi xã hội ấy có đặc điểm là cố gắng làm cho mọi người nhận thức một cách trưởng thành hơn cái lý tưởng mà họ đang nhắm tới, tức là xây dựng một “nền văn minh tình yêu”.

3. Quyền hành chính trị: xã hội không thể đứng vững nếu không có một ai đó ở trên mọi người, hướng dẫn mọi người ra sức xây dựng công ích,

nên cộng đồng văn minh nào cũng phải có một quyền hành lãnh đạo. Quyền hành chính trị là của nhân dân, họ chuyển việc thi hành chủ quyền đó cho những người được họ tự do lựa chọn làm đại biểu của mình, nhưng vẫn giữ đặc quyền là bày tỏ chủ quyền của mình và thay thế những người ấy nếu họ không thi hành vai trò của mình một cách thoả đáng. Quyền hành xét như một sức mạnh luân lý: Quyền hành phải được hướng dẫn bởi luật luân lý. Chính vì dựa vào trật tự luân lý ấy mà nhà cầm quyền mới có uy lực để đưa ra các bổn phận, cũng như mới có được tính hợp pháp luân lý. Khi luật đi ngược lại lý trí, nó được xem là luật bất công; trong trường hợp ấy, nó không còn là luật mà thay vào đó, nó trở thành một hành vi bạo lực. Quyền phản đối theo lương tâm: Khi luật pháp dân sự trái ngược với những đòi hỏi của trật tự luân lý, trái ngược với những quyền căn bản của con người hay trái ngược với giáo huấn của Tin Mừng, công dân không bị buộc trong lương tâm phải theo, không được cộng tác. Quyền phản kháng: luật tự nhiên là nền tảng cho phép con người có quyền phản kháng. Sử dụng vũ khí được coi như giải pháp sau cùng để chấm dứt “một chế độ độc tài công khai và kéo dài, gây thiệt hại lớn cho các quyền căn bản của con người và làm tổn thất nghiêm trọng cho ích chung của đất nước”. mà Việc sử dụng bạo lực có thể đưa tới những nguy hiểm trầm trọng, khiến ngày nay người ta thích áp dụng biện pháp kháng cự thụ động hơn. Biện pháp trừng phạt: không chỉ nhằm mục đích bảo vệ trật tự chung và bảo đảm cho con người được an toàn; nó còn là một công cụ dùng để sửa chữa người lỗi phạm, giúp họ tái hội nhập vào xã hội và cổ vũ cho một nền công lý mang tính hoà giải. Nguyên tắc pháp lý: không được bắt chịu hình phạt khi tội ác chưa được chứng minh. Người môn đệ Đức Kitô từ chối sử dụng tra tấn dưới bất cứ hình thức nào.

4. Hệ thống dân chủ: Giáo Hội đánh giá cao nếu nó bảo đảm cho các công dân được tham gia vào việc đưa ra những lựa chọn chính trị, vừa có thể bầu chọn và yêu cầu những người cai trị mình phải chịu trách

nhệm trước mình, vừa có thể thay thế họ bằng những phương thế hoà bình khi thấy thích đáng. Các giá trị và nền dân chủ: Một nền dân chủ đích là kết quả của một sự chấp nhận các giá trị: phẩm giá của mỗi người, tôn trọng nhân quyền, dân thân cho công ích như là mục tiêu và tiêu chuẩn hướng dẫn đời sống chính trị. Một nền dân chủ mà không có các giá trị sẽ dễ dàng biến thành chủ nghĩa độc tài công khai hay nguy trang một phần. Các cơ quan và nền dân chủ: Trong hệ thống dân chủ, mọi cơ quan nắm giữ quyền hành chính trị đều phải trả lời trước nhân dân. Các đoàn thể đại biểu phải chịu sự kiểm soát hữu hiệu của xã hội, có thể được thực hiện triệt để qua các cuộc bầu cử tự do, cho phép chọn lựa và thay đổi các đại biểu. Những yếu tố luân lý trong việc đại diện chính trị: người nắm giữ quyền hành phải thực thi quyền hành ấy với các đức tính mà nhờ đó việc thực thi quyền hành mới trở nên như một sự phục vụ (kiên nhẫn, khiêm tốn, chừng mực, bác ái, nỗ lực chia sẻ), biết lấy ích chung làm mục tiêu đích thực của công việc mình làm. Các công cụ để tham gia chính trị: Các đảng phái chính trị được mời gọi diễn đạt các nguyện vọng của xã hội dân sự, hướng các nguyện vọng ấy đến với công ích, tạo điều kiện cho các công dân có thể đóng góp hữu hiệu vào việc hình thành các lựa chọn chính trị. Thông tin và dân chủ: Thông tin là một trong những công cụ chính yếu để tham gia dân chủ, để hiểu rõ tình hình của cộng đồng chính trị, các sự kiện và những giải pháp đề nghị cho các vấn đề. Trở ngại ngăn cản quyền được có thông tin khách quan, khi các phương tiện thông tin chỉ do một số ít người hay một vài tập thể kiểm soát. Các giá trị và các nguyên tắc luân lý cũng phải được áp dụng cho các phương tiện truyền thông.

5. Cộng đồng chính trị phục vụ cho xã hội dân sự: là tổng hợp bao gồm các mối quan hệ và các nguồn lực về văn hoá lẫn hiệp hội. Giá trị của xã hội dân sự: xã hội ấy có khả năng tạo điều kiện giúp cho cuộc sống xã hội được tự do và công bằng hơn, qua các hiệp hội. Thế ưu tiên của xã hội dân sự: Nhà Nước phải cung cấp một khung pháp lý thích đáng

để các chủ thể xã hội được tự do tham gia vào các hoạt động khác nhau của họ. Áp dụng nguyên tắc hỗ trợ: Cộng đồng chính trị phải chịu trách nhiệm về việc điều hoà các quan hệ của mình với xã hội dân sự theo nguyên tắc hỗ trợ, đó là phương cách thích hợp nhất để giúp phát triển chiều hướng xã hội của con người.

6. Nhà Nước và các cộng đồng tôn giáo. Tự do tôn giáo là một quyền căn bản của con người: Xã hội và Nhà Nước không được cưỡng bách con người hành động ngược với lương tâm của mình hay không được ngăn cản con người hành động hợp với lương tâm mình. Quyền tự do tôn giáo phải được nhìn nhận trong trật tự pháp lý và phải được phê chuẩn như một quyền dân sự; tuy nhiên, tự nó không phải là một quyền vô hạn, nhưng phải căn cứ theo những đòi hỏi của công ích. Giáo hội Công giáo và cộng đồng chính trị: rất khác nhau do cách định hình và do mục tiêu hai bên theo đuổi. Để phục vụ hữu hiệu hơn con người, vừa là công dân của một nước vừa là Kitô hữu, hai bên cần hợp tác lành mạnh với nhau theo cách nào phù hợp với hoàn cảnh không gian và thời gian. Giáo Hội và Nhà Nước phải xác định những hình thức bền vững để hai bên tiếp xúc với nhau và những phương thế thích hợp để bảo đảm cho quan hệ giữa hai bên được hài hoà.

## **CHƯƠNG 9: CỘNG ĐỒNG QUỐC TẾ (số 428-450)**

1. Các khía cạnh Thánh Kinh: làm nổi rõ sự thống nhất của gia đình nhân loại. Đức Giêsu Kitô, nguyên mẫu và nền tảng của nhân loại mới: nơi thập giá của Đức Kitô, mọi hàng rào thù địch đã bị phá đổ hoàn toàn, và đối với Kitô hữu mọi khác biệt về chủng tộc và văn hoá không còn là nguyên nhân gây ra chia rẽ nữa. Ơn gọi phổ quát của Kitô giáo: khi tìm cách làm cho nhân loại hiểu rằng các dân tộc cố gắng thống nhất với nhau, chính vì họ là những phần tử sống động của toàn thể gia đình nhân loại.

2. Các quy tắc căn bản của cộng đồng quốc tế. Cộng đồng quốc tế và các giá trị: Việc sống chung giữa các dân tộc được xây dựng dựa trên các giá trị: sự thật, công lý, liên đới và tự do. Luật quốc tế trở thành người bảo đảm cho trật tự quốc tế, vì ý thức rằng không thể tách rời công ích của một quốc gia với công ích của toàn thể gia đình nhân loại. Các quan hệ phải được xây dựng trên sự hài hoà giữa trật tự pháp lý và trật tự luân lý: phải coi luật luân lý phổ quát là luật hữu hiệu và không thể xoá bỏ, là một “quy tắc thành văn”. Để giải quyết những căng thẳng giữa các cộng đồng chính trị có thể làm phương hại đến sự ổn định của các quốc gia và an ninh thế giới, cần phải sử dụng các luật chung, đồng thời dứt khoát gạt bỏ ý nghĩ có thể tìm được công lý bằng cách sử dụng chiến tranh.

3. Tổ chức cộng đồng quốc tế. Giá trị của các tổ chức quốc tế: Huân Quyền đã phải nhấn mạnh tới nhu cầu thiết lập “một thẩm quyền chung mang tính quốc tế nào đó, để bảo vệ an ninh nhân danh mọi quốc gia, chăm lo cho công lý và tôn trọng nhân quyền”. Huân Quyền đánh giá cách tích cực các hiệp hội được hình thành trong xã hội dân sự, như các Tổ chức Phi Chính phủ (NGO) hay các Phong trào đòi Nhân quyền”. Tư cách pháp nhân của Toà Thánh: Toà Thánh có đầy đủ chủ thể tính quốc tế như một quyền hành tối thượng, thể hiện chủ quyền của mình ra bên ngoài, được nhìn nhận trong khuôn khổ cộng đồng quốc tế, và được đánh dấu bằng hai đặc điểm là thống nhất và độc lập về mặt tổ chức.

4. Sự công tác quốc tế để giúp phát triển. Công tác để bảo đảm quyền phát triển: Công tác để phát triển con người toàn diện và phát triển tất cả mọi người là một nghĩa vụ của mỗi người đối với hết mọi người, dựa trên nguyên tắc không phải đơn phương là khai thác các tài nguyên thiên nhiên của các quốc gia này, nhưng dựa vào việc sử dụng thích đáng



nguồn nhân sự của các nước đó. Cuộc đấu tranh chống nghèo đói: Giáo Hội chọn lựa và dành tình thương ưu tiên cho người nghèo. Giáo huấn mạnh mẽ nguyên tắc mục tiêu phổ quát của của cải. Nợ nước ngoài: nhiều nguyên nhân phức tạp tạo ra khủng hoảng nợ nần của nhiều quốc gia nghèo. Tuy khẳng định nguyên tắc nợ thì phải trả, nhưng các giải pháp không được phương hại tới quyền căn bản của các dân tộc là được tồn tại và tiến bộ.

## **CHƯƠNG 10: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (số 451-487)**

1. Các khía cạnh Thánh Kinh: Đọc lại lịch sử, chúng ta có thể khám phá ra Chúa đang hoạt động trong lịch sử ấy ngay từ ban đầu. Thiên nhiên là một công trình sáng tạo của Thiên Chúa, và Ngài giao cho con người chịu trách nhiệm về toàn thể thụ tạo, bắt họ chăm lo sao cho thụ tạo được hài hoà và phát triển. Chúa Giêsu đã bắt thiên nhiên phục vụ kế hoạch cứu độ của Người. Người môn đệ Đức Giêsu phải biết cách sử dụng chúng để đem lại sự chia sẻ và tình huynh đệ.

2. Con người và vũ trụ của thụ tạo: qua bao thế kỷ, con người đã lao động để cải thiện hoàn cảnh sống của mình nhờ những nỗ lực rất lớn của cá nhân lẫn tập thể. Tự bản thân, hoạt động cải thiện này phù hợp với ý muốn của Thiên Chúa. Giáo hội Công giáo không hề chống lại sự tiến bộ, mà coi khoa học và công nghệ, môi trường và nông nghiệp là một sản phẩm kỳ diệu của óc sáng tạo mà Chúa đã ban cho con người, và tất cả mọi người chúng ta đều được hưởng lợi ích từ những công trình ấy. Tuy nhiên, cần phải giữ thái độ thận trọng và chú ý sàng lọc ra bản chất, mục đích và các phương thế của mỗi hình thức công nghệ ứng dụng, phải biết cách bắt các khả năng ấy tuân theo các nguyên tắc và các giá trị luân lý. Con người phải thi hành vai trò của người cộng tác với Chúa trong công trình sáng tạo, và không tự đặt mình thay thế Chúa và rốt cuộc làm cho thiên nhiên phải phản lại.

3. Khủng hoảng trong quan hệ giữa con người và môi trường: nguyên nhân sâu xa có thể là tham vọng của con người muốn thống trị trên sự vật một cách vô điều kiện, không chú ý tới bất kỳ đòi hỏi nào về mặt luân lý. Hiểu đúng đắn về môi trường sẽ ngăn chặn sự giản lược cho rằng thiên nhiên chỉ là một đồ vật không hơn không kém mà con người được sử dụng và khai thác tùy ý; đồng thời, chúng ta cũng không được tuyệt đối hoá thiên nhiên, đặt nó lên trên cả phẩm giá con người. Với chiều hướng đạo đức lành mạnh, chắc chắn người ta sẽ có thể phát triển môi trường thành nơi cư ngụ và thành tài nguyên cho con người và cho hết mọi người, cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

4. Một trách nhiệm chung. Môi trường là một tài sản tập thể: chăm sóc môi trường là một nghĩa vụ chung và phổ quát, vì tất cả mọi hữu thể đều sống lệ thuộc lẫn nhau trong trật tự chung do Tạo Hoá sắp đặt. Trách nhiệm đối với môi trường: là một trách nhiệm mà các thế hệ hiện nay phải có đối với các thế hệ tương lai, và cũng liên hệ tới mỗi quốc gia và cộng đồng nhân loại. Cộng đồng quốc tế cần đặt ra những luật lệ thống nhất, cho phép các quốc gia kiểm soát hữu hiệu hơn và bảo vệ hệ sinh thái. Cần phải tăng cường ý thức trách nhiệm cũng như phải thay đổi cách suy nghĩ và lối sống một cách hữu hiệu. Một nền kinh tế biết tôn trọng môi trường: sẽ không lấy việc gia tăng tối đa lợi nhuận làm mục tiêu duy nhất và ý thức tìm ra những phương cách mới để làm giảm tác động ảnh hưởng trên môi trường, do việc sản xuất và tiêu thụ hàng hoá. Việc sử dụng công nghệ sinh học: Những sự can thiệp nào của con người mà làm hại các sinh vật hay môi trường thiên nhiên thì đều đáng bị lên án, còn những sự can thiệp nào giúp cải thiện chúng đều đáng ca ngợi. Cần phải đánh giá các công nghệ sinh học hiện đại theo những tiêu chuẩn đạo đức. Trong tinh thần liên đới quốc tế, cần phải: tạo điều kiện để có sự trao đổi thương mại cách công bằng, đẩy mạnh sự phát triển của các dân tộc bị thiệt thòi nhất, đẩy mạnh sự trao đổi kiến thức

công nghệ và khoa học, đồng thời chuyển giao cho các nước đang phát triển. Các nhà khoa học và kỹ thuật tham gia vào lĩnh vực công nghệ sinh học được mời gọi tìm ra những giải pháp tốt nhất cho các vấn đề cung cấp lương thực và chăm sóc sức khoẻ. Môi trường và việc chia sẻ của cải: giáo huấn xã hội Công giáo nhắc lại rằng của cải trên trái đất là do Thiên Chúa tạo thành để mọi người sử dụng cách khôn ngoan, phải được chia sẻ một cách công bằng, phù hợp với công lý và bác ái. Khủng hoảng môi trường hiện nay có tác động đặc biệt đến những người nghèo nhất, các nước nghèo nhất do những quy luật thương mại quốc tế bất công. Sự phát triển xứng đáng với danh nghĩa đều phải là sự phát triển toàn diện, tức là phải hướng tới ích lợi thật của con người toàn diện và của con người toàn diện. Những lối sống mới: theo đó việc tìm kiếm chân, thiện, mỹ và hiệp thông với người khác vì công ích sẽ là những nhân tố quyết định cho những việc lựa chọn để tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư. Vấn đề sinh thái phải trở thành động cơ mạnh mẽ thúc đẩy mọi người liên đới thực sự với nhau trên phạm vi toàn cầu. Thái độ điển hình cho lối xử sự của con người trong mối quan hệ với thụ tạo chính là thái độ biết ơn và quý trọng. Thế giới sẽ xuất hiện trước mắt con người như một bằng chứng về Thiên Chúa, là nơi bày tỏ quyền năng sáng tạo, an bài và cứu chuộc của Ngài.

## **CHƯƠNG 11: CỔ VŨ HOÀ BÌNH (số 488-520)**

1. Các khía cạnh Thánh Kinh: Thiên Chúa đã tạo ra tất cả những gì đang hiện hữu, và mọi thụ tạo làm nên một tổng thể hài hoà mà phần nào cũng tốt đẹp. Hoà bình được xây dựng dựa trên mối quan hệ căn bản giữa mọi người với Thiên Chúa. Hoà bình không phải chỉ là vắng bóng chiến tranh nhưng còn là cuộc sống viên mãn, là kết quả của phúc lành Chúa ban cho dân Ngài. Đức Giêsu là “bình an của chúng ta”, Người đã phá đổ bức tường thù nghịch chia rẽ dân chúng khi hoà giải họ với Chúa. Hoà bình của Đức Kitô trước tiên là sự làm hoà với Chúa Cha, là

làm hoà với anh chị em, qua đó các Kitô hữu có thể trở thành chuyên viên hoà giải.

2. Hoà bình là kết quả của công lý và bác ái: là tôn trọng sự cân bằng giữa mọi chiều hướng của con người và là những thành quả chỉ xuất phát từ tình yêu. Thế giới hiện nay cũng cần lời chứng của các tiên tri không khí giới.

3. Chiến tranh là một sự thất bại của hoà bình. Chiến tranh đúng là một “mối hoạ” và không bao giờ là một phương cách thích đáng để giải quyết các vấn đề nảy sinh giữa các quốc gia. Những cuộc xung đột gắn liền với các hoàn cảnh tạo ra bất công, nghèo đói và bóc lột, đòi người ta phải can thiệp sâu thì mới loại trừ các nguyên nhân ấy được. Do đó, hoà bình mang một danh hiệu mới là sự phát triển. Sự phòng thủ hợp pháp: chiến tranh chỉ chính đáng: khi phải chịu sự thiệt hại lâu dài, nghiêm trọng và chắc chắn; đã dùng hết các phương thế khác để dập tắt chiến tranh; có những triển vọng thành công nghiêm túc; việc sử dụng vũ khí không được gây ra những tội ác và vô trật tự lớn hơn. Bảo vệ hoà bình: Những ai bảo vệ an ninh và tự do của quốc gia theo tinh thần nhằm phục vụ hoà bình là đã đóng góp thực sự vào nền hoà bình. Mỗi thành viên trong các lực lượng vũ trang đều có bổn phận về mặt luân lý chống lại những mệnh lệnh yêu cầu mình phạm các tội ác đi ngược lại luật lệ các quốc gia và các nguyên tắc phổ quát của luật này. Những người theo lương tâm phản đối hình thức sử dụng vũ lực, đều phải sẵn sàng chấp nhận những hình thức phục vụ khác thay thế. Nghĩa vụ bảo vệ người vô tội: Trong các cuộc xung đột, người ta cũng phải tuân thủ trọn vẹn những mệnh lệnh của luật nhân đạo quốc tế. Nguyên tắc nhân đạo cũng bao gồm bổn phận phải bảo vệ dân thường khỏi những hậu quả của chiến tranh. Giáo Hội muốn gần gũi những người tị nạn không những bằng cách chăm sóc mục vụ và hỗ trợ vật chất, mà còn bằng cách dẫn thân để bảo vệ nhân phẩm của họ. Diệt chủng: Tìm cách tiêu diệt toàn

bộ một tập thể quốc gia, chủng tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ là đã phạm tội ác chống lại Thiên Chúa và chống lại chính nhân loại. Cộng đồng quốc tế có bổn phận luân lý là can thiệp cho các tập thể ấy, không thể đưa nguyên tắc chủ quyền của quốc gia ra làm cơ sở ngăn cản sự can thiệp ấy nhằm bảo vệ các nạn nhân vô tội. Các biện pháp chống lại những người đe dọa nền hoà bình: biện pháp chế tài nhằm mở ra cho các bên cơ hội thương thảo và đối thoại, và biện pháp cấm vận kinh tế. Việc giải trừ quân bị: mỗi quốc gia chỉ được phép sở hữu những phương tiện cần thiết cho việc phòng thủ hợp pháp. Chạy đua vũ trang không bảo đảm hoà bình, trái lại có nguy cơ gây nên chiến tranh. Cần áp dụng các biện pháp thích hợp để kiểm soát việc sản xuất, tàng trữ, mua bán và buôn lậu các loại vũ khí. Lên án chính sách khủng bố: khủng bố là sự khinh rẻ hoàn toàn mạng sống con người, và vì thế, không bao giờ có thể biện minh được: vì con người luôn luôn là cứu cánh chứ không bao giờ là phương tiện. Thật là phạm thượng khi khủng bố nhân danh Thiên Chúa: một người nhân danh Thiên Chúa để sát hại không thể nào là người tử vì đạo.

4. Sự đóng góp của Giáo Hội vào hoà bình. Cổ vũ hoà bình trên thế giới là một phần tất yếu trong sứ mạng của Giáo Hội. Giáo Hội dạy rằng chỉ có thể kiến tạo một nền hoà bình đích thực bằng cách tha thứ và hoà giải. Giáo Hội dẫn thân vào mặt trận hoà bình qua việc cầu nguyện và các thông điệp Ngày Thế giới Hoà bình.

## **CHƯƠNG 12: HỌC THUYẾT XH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI (số 521-574)**

1. Hoạt động mục vụ trong lĩnh vực xã hội. Học thuyết xã hội và sự hội nhập văn hoá bằng lòng tin: Nhận thức được sức mạnh của Kitô giáo có thể canh tân những thực tại văn hoá và xã hội, Giáo Hội góp phần giáo huấn của mình vào việc xây dựng cộng đồng nhân loại. Giáo Hội chỉ

cho thấy nền tảng luân lý của mọi hoạt động xã hội là nhắm vào *sự phát triển mang tính nhân bản của con người* và chuẩn mực của hoạt động xã hội là phải *phù hợp với thiện ích đích thực của nhân loại*. Học thuyết xã hội và hoạt động mục vụ xã hội: với Giáo huấn xã hội của Giáo Hội là điểm tham chiếu, hoạt động mục vụ xã hội của Giáo Hội diễn tả các nhận thức đầy đủ về sứ mạng Phúc Âm hoá của Giáo Hội trong những thực tại xã hội, kinh tế, văn hoá và chính trị của thế giới. Trong hoạt động mục vụ, Giáo Hội hướng dẫn hai chiều: vừa giúp con người khám phá ra sự thật và lựa chọn con đường họ sẽ đi theo, vừa khích lệ các Kitô hữu làm chứng cho Tin Mừng với tinh thần phục vụ trong lĩnh vực hoạt động xã hội. Học thuyết xã hội và việc đào tạo: giáo dân, là những người có trách nhiệm trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống công cộng và xã hội, họ cần phải có một sự hiểu biết chính xác hơn về học thuyết xã hội của Giáo Hội, đặc biệt trong việc dạy giáo lý, trong việc đào tạo các Kitô hữu giáo dân trong lĩnh vực văn hoá, xã hội, kinh tế và chính trị, trong các cơ sở giáo dục Công giáo, trong việc đào tạo các linh mục và các ứng viên chức linh mục. Khuyến khích đối thoại: Học thuyết này là một công cụ ưu việt cho việc đối thoại giữa các cộng đồng Kitô giáo với cộng đồng dân sự và chính trị, với các thành viên của các tôn giáo trên thế giới. Những chủ thể của hoạt động mục vụ xã hội: toàn thể cộng đồng dân Chúa, giám mục, linh mục, tu sĩ, giáo dân. Linh mục cần cố vũ hoạt động mục vụ trong phạm vi xã hội, quan tâm đặc biệt đến việc đào tạo và đồng hành thiêng liêng với các Kitô hữu giáo dân đã dấn thân vào đời sống xã hội và chính trị. Trong tinh thần khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục, những người được thánh hiến dấn thân phục vụ với lòng bác ái mục vụ, đặc biệt qua kinh nguyện.

2. Học thuyết xã hội và sự dấn thân của người tín hữu giáo dân: tín hữu giáo dân có nhiệm vụ tìm kiếm Nước Thiên Chúa qua việc gắn bó với những công việc trần gian và sắp đặt chúng theo thánh ý Chúa. Họ công bố Tin Mừng bằng chứng tá của đời sống được ăn rễ sâu trong Đức Kitô

và được sống động qua những thực tại trần thế như gia đình, lao động, văn hoá, khoa học, kinh tế và chính trị. Linh đạo giáo dân: làm cho họ có khả năng vun đắp một tình yêu mãnh liệt đối với Thiên Chúa mà không xa cách anh chị em mình, ngăn chặn được cả hai chủ nghĩa duy linh sâu đậm và chủ nghĩa duy hoạt xã hội, thay vào đó, nó tự biểu lộ trong một tổng hợp sống động đem lại sự hợp nhất, ý nghĩa và niềm hy vọng cho sự hiện hữu. Hành động thân trong: làm cho ta có thể nhận ra được sự thiện đích thực và chọn ra được những phương tiện đúng đắn để đạt được sự thiện đó. Thận trọng ở 3 thời điểm: suy tư và tham vấn, lượng giá thực tại và quyết định hành động. Học thuyết xã hội và các hiệp hội giáo dân: nâng đỡ và chiếu toả ánh sáng lên vai trò của các hiệp hội, các phong trào và các nhóm giáo dân đang dấn thân cho công cuộc canh tân Kitô giáo trong nhiều khu vực khác nhau của trật tự trần thế. Phục vụ trong những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội: giáo dân làm cho học thuyết này hoàn toàn trở thành một thực tại, khi học thuyết ấy được sống một cách cụ thể với mục đích để giải quyết các vấn đề xã hội. (1) Phục vụ con người: chiếm ưu thế hàng đầu, nỗ lực đổi mới chính mình từ bên trong phải đi trước việc dấn thân nhằm cải thiện xã hội, cổ vũ phẩm giá con người (quyền được sống, quyền tự do lương tâm và tự do tôn giáo, nhu cầu bảo vệ hôn nhân và gia đình). (2) Phục vụ trong lĩnh vực văn hoá: nhằm cổ vũ một nền văn hoá xã hội và chính trị được gọi hứng từ Tin Mừng. Chú ý đến chiều hướng đạo đức của văn hoá: sự hoàn hảo trọn vẹn của con người và thiện ích của toàn thể xã hội là những cứu cánh thiết yếu của nền văn hoá. Coi các phương tiện truyền thông như những công cụ tạo nên và tăng cường sự liên đới, là kết quả của truyền thông chân thật, cũng như của sự trao đổi tự do các ý tưởng. (3) Phục vụ trong lĩnh vực kinh tế: nguyên tắc con người phải là trọng tâm của mọi hoạt động kinh tế. Nhu cầu cấp bách: một mặt là xét đến sự nghèo túng bi thảm về vật chất của hàng tỷ người, và mặt khác, xét đến một sự thật là các cơ cấu kinh tế, xã hội, văn hoá hiện nay không được trang bị đầy đủ để đáp ứng những đòi hỏi của sự phát triển chính

đáng. Các hiệp hội có nguồn cảm hứng Kitô giáo năng động trong lĩnh vực kinh tế đóng một vai trò quý giá. (4) Phục vụ trong lĩnh vực chính trị: Đối với tín hữu giáo dân, việc tham gia vào chính trị là một hành động thích đáng và đòi hỏi nhiều nỗ lực để biểu lộ sự dấn thân của Kitô hữu trong việc phục vụ người khác. Tín hữu giáo dân được mời gọi nhận dạng các bước có thể xúc tiến trong những tình huống chính trị cụ thể để đem áp dụng các nguyên tắc và giá trị đích thực cho cuộc sống xã hội. Huấn Quyền chỉ dạy và soi sáng các lương tâm của người tín hữu, để hành động của họ luôn phục vụ cho công cuộc thăng tiến toàn diện con người và công ích.

## **KẾT LUẬN: VÌ MỘT NỀN VĂN MINH TÌNH YÊU (số 575-583)**

Giáo Hội giúp con người ngày nay: Đối với những câu hỏi cơ bản về ý nghĩa và mục đích của cuộc sống con người, Giáo Hội trả lời qua việc công bố Tin Mừng của Đức Kitô. Sứ mạng của Giáo Hội trong thế giới hiện nay là giúp đỡ mọi hữu thể con người khám phá ra ý nghĩa tối hậu của sự hiện hữu của họ ở trong Thiên Chúa.

Khởi đầu lại từ niềm tin vào Đức Kitô: Đời sống xã hội phải dựa trên nền tảng kế hoạch của Thiên Chúa vì “chiều hướng thần học cần thiết cho cả việc giải thích lẫn giải quyết những vấn đề hiện nay trong xã hội loài người”. Vấn đề không phải là phát minh ra một ‘chương trình mới’. Chương trình có sẵn rồi: đó là kế hoạch mà chúng ta tìm thấy trong Tin Mừng và trong Truyền Thống sống động, mãi mãi sẽ như vậy. Cuối cùng, chương trình đó có tâm điểm là chính Đức Kitô, Đáng phải được nhận biết, được yêu thương và được bắt chước.

Niềm hy vọng vững bền: Thiên Chúa ban tặng cho họ một khả năng thực sự để vượt qua sự dữ và đạt tới sự thiện. Niềm hy vọng của Kitô hữu cho họ một năng lực lớn lao để dấn thân vào lĩnh vực xã hội vì niềm



hy vọng này tạo ra sự tự tin vào khả năng xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, mặc dù sẽ không bao giờ có “một thiên đàng hạ giới”.

Xây dựng “nền văn minh tình yêu”: Kitô hữu cần phải là những nhân chứng xác tín sâu xa về tình yêu, và qua cuộc sống của mình, họ cần chứng tỏ rằng tình yêu là động lực duy nhất để có thể dẫn đến sự hoàn thiện bản thân và xã hội, làm cho xã hội tiến tới điều thiện hảo. Tình yêu phải hiện diện và thâm nhập vào bên trong mọi quan hệ xã hội. Tình yêu phải làm sống động mọi khía cạnh của đời sống con người và lan rộng đến trật tự quốc tế. Tình yêu không thể được diễn tả cách trọn vẹn chỉ trong chiều hướng trần thế với những mối quan hệ của con người và xã hội, bởi vì tình yêu chỉ tìm được hiệu quả trọn vẹn của nó trong mối tương quan với Thiên Chúa.

*“Lạy Chúa, vào lúc xế bóng của cuộc đời này,  
con sẽ đến trước Chúa với hai bàn tay trắng,  
vì con không xin Chúa tính sổ việc con làm.  
Mọi việc được gọi là công lý của chúng con  
đều khiêm khuyết trước mặt Chúa.*

*Vì thế, con cầu xin Chúa bảo bọc con trong công lý của Chúa  
và xin cho con được nhận từ tình yêu của Chúa  
sự sở hữu vĩnh cửu là chính Ngài”.*